

# ĐIỀU LỆ CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, kể từ ngày thành lập đến nay, Công đoàn Việt Nam luôn trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân và dân tộc, đã tổ chức, vận động công nhân, viên chức, lao động (CNVCLĐ) đi đầu trong sự nghiệp đấu tranh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động. Phát huy truyền thống tốt đẹp đó, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tiếp tục tổ chức, động viên CNVCLĐ đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

**Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam** là tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn của giai cấp công nhân, đội ngũ trí thức và những người lao động tự nguyện lập ra nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết lực lượng, xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam lớn mạnh về mọi mặt; đại diện và bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, phấn đấu xây dựng nước Việt Nam độc lập, thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội.

**Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam** có tính chất quần chúng và tính chất giai cấp của giai cấp công nhân, có chức năng: Đại diện và bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của CNVCLĐ; tham gia quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội, tham gia kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế; giáo dục, động viên CNVCLĐ phát huy quyền làm chủ đất nước, thực hiện nghĩa vụ công dân, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam** là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, có quan hệ hợp tác với Nhà nước và phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức xã hội khác; hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và Pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam** phát huy truyền thống đoàn kết quốc tế, tăng cường và mở rộng hợp tác với công đoàn các nước, các tổ chức quốc tế trên nguyên tắc hữu nghị, đoàn kết, bình đẳng, hợp tác cùng có lợi, phấn đấu cho mục tiêu: Vì lợi ích người lao động, vì hoà bình, dân chủ, độc lập dân tộc, phát triển và tiến bộ xã hội.

## *Chương I*

### ĐOÀN VIÊN

**Điều 1.** CNVCLĐ Việt Nam làm công, hưởng lương; người lao động tự do hợp pháp, không phân biệt nghề nghiệp, nam nữ, tín ngưỡng, nếu tán thành Điều lệ Công đoàn Việt Nam, tự nguyện sinh hoạt trong một tổ chức cơ sở của công đoàn, đóng đoàn phí theo quy định thì được gia nhập công đoàn.

**Điều 2.** Người gia nhập Công đoàn phải có đơn tự nguyện. Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở xét, ra quyết định kết nạp và trao thẻ đoàn viên công đoàn. Khi đoàn viên ra khỏi Công đoàn, Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở xoá tên và thu lại thẻ đoàn viên.

**Điều 3.** Đoàn viên có quyền:

1. Được thông tin, thảo luận, đề xuất và biểu quyết công việc của công đoàn, ứng cử, đề cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo công đoàn; phê bình chất vấn cán bộ lãnh đạo công đoàn, kiến nghị bãi miễn cán bộ công đoàn có sai phạm.

2. Được yêu cầu công đoàn bảo vệ nhân phẩm và lợi ích hợp pháp, chính đáng khi bị xâm phạm.

3. Được công đoàn: Tư vấn miễn phí về pháp luật lao động và công đoàn; hướng dẫn giúp đỡ tìm việc làm, học nghề; thăm hỏi, giúp đỡ lúc ốm đau hoặc khi gặp hoàn cảnh khó khăn. Được tham gia các sinh hoạt văn hoá, văn nghệ, thể thao, du lịch, nghỉ ngơi do công đoàn tổ chức.

4. Khi nghỉ hưu, đoàn viên được nghỉ sinh hoạt công đoàn, được công đoàn cơ sở nơi làm thủ tục về nghỉ và công đoàn địa phương nơi cư trú giúp đỡ, bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng, được tham gia sinh hoạt câu lạc bộ hưu trí, ban liên lạc hưu trí do công đoàn giúp đỡ.

**Điều 4.** Đoàn viên có nhiệm vụ:

1. Thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Thực hiện các Nghị quyết của công đoàn, tham gia các hoạt động và sinh hoạt công đoàn, đóng đoàn phí, tuyên truyền phát triển đoàn viên, xây dựng tổ chức công đoàn.

3. Không ngừng học tập nâng cao trình độ chính trị, văn hoá, chuyên môn, tay nghề; rèn luyện phẩm chất giai cấp công nhân; sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

4. Giúp đỡ đồng nghiệp nâng cao trình độ nghề nghiệp, lao động có hiệu quả và tổ chức tốt cuộc sống; đoàn kết giúp nhau bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của CNVCLĐ và của tổ chức công đoàn.

## *Chương II*

### **NGUYÊN TẮC VÀ HỆ THỐNG TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN**

**Điều 5.** Công đoàn tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, với nội dung cơ bản như sau:

- a) Cơ quan lãnh đạo các cấp của công đoàn đều do bầu cử lập ra.
- b) Quyền quyết định cao nhất của mỗi cấp công đoàn thuộc về Đại hội công đoàn cấp đó. Giữa hai kỳ Đại hội, cơ quan lãnh đạo là Ban Chấp hành.
- c) Ban Chấp hành Công đoàn các cấp hoạt động theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tổ chức.
- d) Nghị quyết của công đoàn các cấp được thông qua theo đa số và phải được thi hành nghiêm chỉnh.
- đ) Khi mới thành lập hoặc tách nhập tổ chức công đoàn, công đoàn cấp trên trực tiếp chỉ định Ban Chấp hành Công đoàn lâm thời. Thời gian hoạt động của Ban chấp hành lâm thời không quá 12 tháng.

**Điều 6.** Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam là tổ chức thống nhất có các cấp cơ bản sau đây:

- Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.
- Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương  
(sau đây gọi là Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố) và công đoàn ngành Trung ương.
- Công đoàn cấp trên cơ sở.
- Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn.

**Điều 7.** Đại hội công đoàn các cấp:

1. Nhiệm vụ của Đại hội công đoàn các cấp:

- a) Thảo luận, thông qua các báo cáo của Ban chấp hành; quyết định phương hướng nhiệm vụ của công đoàn nhiệm kỳ tới.
- b) Tham gia xây dựng văn kiện của Đại hội Công đoàn cấp trên.
- c) Bầu Ban Chấp hành Công đoàn mới và bầu đại biểu đi dự Đại hội công đoàn cấp trên.
- d) Thông qua Điều lệ Công đoàn Việt Nam ( đối với Đại hội Công đoàn toàn quốc )

## 2. Nhiệm kỳ Đại hội công đoàn các cấp:

a) Đại hội công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn 5 năm 2 lần. Đối với công đoàn cơ sở có số lượng đoàn viên đông, nhiều công đoàn cơ sở thành viên hoạt động phân tán có thể 5 năm Đại hội 1 lần.

b) Đại hội công đoàn các cấp trên cơ sở: 5 năm 1 lần.

c) Trường hợp đặc biệt, nếu được công đoàn cấp trên đồng ý, Đại hội công đoàn các cấp có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn, nhưng không quá 12 tháng đối với công đoàn cấp trên cơ sở và 6 tháng đối với công đoàn cơ sở. Riêng đối với Đại hội Công đoàn toàn quốc thì do Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quyết định.

3. Số lượng đại biểu dự Đại hội cấp nào do Ban Chấp hành cấp đó quyết định và triệu tập theo quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Thành phần đại biểu chính thức gồm:

a) Các uỷ viên đương nhiệm của Ban Chấp hành cấp triệu tập.

b) Các đại biểu do Đại hội hoặc Hội nghị đại biểu, Hội nghị toàn thể công đoàn cấp dưới bầu lên.

c) Các đại biểu do Ban Chấp hành cấp triệu tập chỉ định với số lượng không quá ba phần trăm ( 3% ) tổng số đại biểu chính thức được triệu tập.

4. Đại biểu dự Đại hội phải được Đại hội biểu quyết công nhận tư cách đại biểu. Trường hợp đại biểu bị kỷ luật từ hình thức khiển trách (theo quy định của Bộ luật Lao động) hoặc cảnh cáo ( đối với với các trường hợp khác) trở lên, thì Ban Chấp hành cấp triệu tập xem xét, quyết định tư cách đại biểu và sau đó báo cáo cho Đại hội biết. Người bị khởi tố, truy tố, tạm giam thì không đủ tư cách đại biểu.

### **Điều 8.** Hội nghị đại biểu, Hội nghị toàn thể.

1. Những nơi xét thấy cần thiết và được Ban Chấp hành Công đoàn cấp trên trực tiếp đồng ý thì Ban Chấp hành Công đoàn ở cấp đó được triệu tập Hội nghị đại biểu hoặc Hội nghị toàn thể.

2. Số lượng đại biểu do Ban Chấp hành cấp triệu tập Hội nghị quyết định. Đại biểu dự Hội nghị phải được Hội nghị biểu quyết công nhận tư cách đại biểu. Thành phần đại biểu gồm:

a) Các uỷ viên đương nhiệm của Ban Chấp hành cấp triệu tập Hội nghị.

b) Các đại biểu do Đại hội ( nếu trùng vào dịp Đại hội ) hoặc Hội nghị đại biểu, Hội nghị toàn thể, Công đoàn cấp dưới bầu lên. Trường hợp không thể tổ chức

được Hội nghị đại biểu, Hội nghị toàn thể và được công đoàn cấp trên trực tiếp đồng ý thì Hội nghị Ban Chấp hành Công đoàn cấp đó bầu.

c) Đại biểu chỉ định với số lượng không quá ba phần trăm ( 3% ) tổng số đại biểu chính thức được triệu tập.

3. Nội dung của Hội nghị đại biểu, Hội nghị toàn thể:

a) Kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội; bổ sung chương trình hoạt động của công đoàn cấp mình.

b) Tham gia xây dựng văn kiện Đại hội công đoàn cấp trên.

c) Bổ sung kiện toàn Ban Chấp hành và bầu đại biểu đi dự Đại hội hoặc Hội nghị đại biểu Công đoàn cấp trên ( nếu có).

**Điều 9.** Đại hội, Hội nghị đại biểu, Hội nghị toàn thể, Hội nghị Ban Chấp hành Công đoàn các cấp phải có ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên được triệu tập đến dự mới có giá trị. Việc bầu cơ quan lãnh đạo các cấp công đoàn và bầu đại biểu đi dự Đại hội Công đoàn cấp trên đều phải tiến hành bỏ phiếu kín; người trúng cử phải được quá một phần hai (1/2) số phiếu bầu.

**Điều 10.** Ban Chấp hành là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ Đại hội của công đoàn mỗi cấp.

1. Ban Chấp hành Công đoàn cấp nào, do Đại hội công đoàn cấp đó bầu ra. Ban Chấp hành Công đoàn cấp dưới phải được Ban Chấp hành Công đoàn cấp trên trực tiếp công nhận. Khi có quá một phần hai (1/2) số thành viên dự Đại hội yêu cầu và được sự đồng ý của công đoàn cấp trên trực tiếp thì Đại hội công đoàn cơ sở và nghiệp đoàn có thể bầu trực tiếp Chủ tịch Công đoàn cơ sở, Chủ tịch nghiệp đoàn trong số Ủy viên Ban Chấp hành.

2. Số lượng Ủy viên Ban Chấp hành cấp nào do Đại hội công đoàn cấp đó quyết định và không quá số lượng quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

a) Khi khuyết Ủy viên Ban chấp hành ở cấp nào, thì do Hội nghị đại biểu, Hội nghị toàn thể hoặc Ban Chấp hành cấp đó bầu bổ sung. Số lượng ủy viên Ban Chấp hành khuyết cần bầu bổ sung trong nhiệm kỳ Đại hội không vượt quá một phần ba (1/3) số lượng ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định.

b) Trường hợp đặc biệt cần bầu bổ sung mà số ủy viên Ban chấp hành vượt quá số lượng Đại hội đã thông qua, thì phải được sự đồng ý của công đoàn cấp trên trực tiếp và không vượt quá số lượng quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Việc bầu bổ sung số ủy viên Ban chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam vượt quá số lượng Đại hội Công đoàn toàn

quốc đã thông qua do Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam xem xét, quyết định nhưng không quá ba phần trăm (3%) số lượng ủy viên Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã được Đại hội Công đoàn toàn quốc quyết định.

c) ủy viên Ban Chấp hành khi chuyển công tác ra khỏi ngành hoặc địa phương, đơn vị thì thôi tham gia Ban Chấp hành Công đoàn ở ngành, địa phương, đơn vị đó. ủy viên Ban Chấp hành Công đoàn các cấp khi nghỉ hưu, thôi việc thì thôi tham gia Ban Chấp hành.

d) Trường hợp ủy viên Ban chấp hành là cán bộ chuyên trách công đoàn, khi chuyển công tác không là chuyên trách công đoàn nữa thì do Ban Chấp hành Công đoàn cấp đó xem xét việc tiếp tục tham gia hay không tham gia Ban Chấp hành và đề nghị công đoàn cấp trên quyết định.

3. Nhiệm vụ của Ban Chấp hành Công đoàn các cấp:

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội công đoàn cấp mình.

b) Thi hành Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, công đoàn cấp trên.

c) Chỉ đạo, kiểm tra hoạt động đối với công đoàn cấp dưới.

d) Định kỳ báo cáo tình hình tổ chức hoạt động công đoàn cấp mình với cấp ủy Đảng đồng cấp, công đoàn cấp trên và thông báo cho công đoàn cấp dưới.

đ) Quản lý tài chính, tài sản và hoạt động kinh tế công đoàn theo quy định của Nhà Nước và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

4. Hội nghị thường kỳ của Ban Chấp hành Công đoàn các cấp:

a) Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Ban Chấp hành Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Ban Chấp hành Công đoàn ngành Trung ương 1 năm họp 2 lần.

b) Ban Chấp hành Công đoàn cấp trên trực tiếp của công đoàn cơ sở 3 tháng họp 1 lần. Đối với Ban Chấp hành Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở có công đoàn cơ sở hoạt động trên nhiều tỉnh, thành phố 6 tháng họp ít nhất 1 lần.

c) Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở, Công đoàn cơ sở thành viên, Nghiệp đoàn 1 tháng họp 1 lần. Đối với những công đoàn cơ sở lớn, có nhiều công đoàn cơ sở thành viên hoạt động trên nhiều địa bàn 3 tháng họp ít nhất 1 lần.

**Điều 11.** Cơ quan thường trực của Ban Chấp hành Công đoàn các cấp.

1. Cơ quan thường trực của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam là Đoàn Chủ tịch; cơ quan thường trực của Ban Chấp hành Công đoàn các cấp là Ban

Thường vụ. Đoàn Chủ tịch (Ban Thường vụ) công đoàn cấp nào do Ban Chấp hành cấp đó bầu ra. Số lượng ủy viên Đoàn Chủ tịch (Ban Thường vụ) nhiều nhất không quá một phần ba (1/3) số ủy viên Ban Chấp hành Công đoàn cấp đó, gồm có Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và một số ủy viên. Nếu số lượng ủy viên Ban Chấp hành chỉ có 3 người thì bầu 1 Chủ tịch; từ 4 đến 8 người thì bầu Chủ tịch và 1 Phó Chủ tịch.

Đoàn Chủ tịch (Ban Thường vụ) được phân công một số đồng chí làm thường trực.

2. Ban Thường vụ công đoàn các cấp có trách nhiệm thay mặt Ban Chấp hành chuẩn bị nội dung các kỳ họp Ban Chấp hành và chỉ đạo thực hiện các Nghị quyết của Ban Chấp hành, điều hành các hoạt động giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành, báo cáo hoạt động của mình tại hội nghị thường kỳ của Ban Chấp hành; trực tiếp chỉ đạo hoạt động của cơ quan và đơn vị trực thuộc.

3. Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam thay mặt Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam chuẩn bị nội dung các kỳ họp Ban Chấp hành, tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn. Đoàn Chủ tịch được ra các Nghị quyết hoặc Quyết định để tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc Công đoàn Việt Nam và các nghị quyết của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Đoàn Chủ tịch trực tiếp chỉ đạo hoạt động của cơ quan Tổng Liên đoàn và các đơn vị trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao Động Việt Nam.

4. Chủ tịch là người đứng đầu Ban Chấp hành có trách nhiệm điều hành hoạt động của Đoàn Chủ tịch (Ban Thường vụ).

a) Khi khuyết Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc ủy viên Đoàn Chủ tịch (Ban Thường vụ) thì Ban Chấp hành Công đoàn cấp đó đề nghị công đoàn cấp trên trực tiếp cho bầu bổ sung trong số các ủy viên Ban Chấp hành.

b) Trường hợp cần thiết, công đoàn cấp trên được quyền chỉ định bổ sung ủy viên Ban Chấp hành và các chức danh trong cơ quan thường trực của Ban Chấp hành Công đoàn cấp dưới.

**Điều 12.** Ban Chấp hành Công đoàn ở cấp nào là đại diện của đoàn viên, CNVCLĐ ở cấp đó.

Ban Chấp hành Công đoàn các cấp có trách nhiệm đào tạo, bồi dưỡng, tạo điều kiện cho cán bộ công đoàn hoạt động; giúp đỡ, can thiệp và bảo vệ cán bộ công đoàn khi bị xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng.

**Điều 13.** Ban Chấp hành Công đoàn các cấp căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn, khả

năng tài chính và các quy định của Tổng Liên đoàn để tổ chức bộ máy làm việc.

### ***Chương III.***

## **TỔ CHỨC CƠ SỞ CỦA CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 14.**

1. Tổ chức cơ sở của công đoàn gồm:

a) Công đoàn cơ sở được thành lập ở các doanh nghiệp, các hợp tác xã sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ; các đơn vị sự nghiệp, cơ quan Nhà nước; các cơ quan của tổ chức chính trị, chính trị - xã hội và tổ chức xã hội nghề nghiệp, có 5 đoàn viên trở lên và được công đoàn cấp trên quyết định thành lập.

b) Nghiệp đoàn là tổ chức cơ sở của công đoàn, tập hợp những người lao động tự do hợp pháp cùng ngành, nghề, được thành lập theo địa bàn hoặc theo đơn vị lao động có 10 đoàn viên trở lên và được công đoàn cấp trên quyết định thành lập.

2. Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn được tổ chức theo 4 loại hình:

a) Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn không có tổ công đoàn, tổ nghiệp đoàn.

b) Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn có tổ công đoàn, tổ nghiệp đoàn.

c) Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn có công đoàn bộ phận, nghiệp đoàn bộ phận

d) Công đoàn cơ sở có công đoàn cơ sở thành viên.

3. Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn không đủ điều kiện tồn tại và hoạt động, được công đoàn cấp trên trực tiếp xem xét quyết định giải thể.

**Điều 15.** Nhiệm vụ, quyền hạn của công đoàn cơ sở trong các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp, cơ quan của tổ chức chính trị, chính trị - xã hội và tổ chức xã hội nghề nghiệp.

1. Tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, Chính sách, Pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn. Giáo dục nâng cao trình độ chính trị, văn hoá, pháp luật, khoa học kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Kiểm tra, giám sát việc thi hành các chế độ, chính sách, pháp luật, bảo đảm việc thực hiện quyền lợi của đoàn viên, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Đấu tranh ngăn chặn tiêu cực, tham nhũng và các tệ nạn xã hội. Phát hiện và tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo, giải quyết các tranh chấp lao động và thực hiện các quyền của công đoàn cơ sở theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp với thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ, tổ chức hội nghị cán bộ, công chức cơ quan, đơn vị; cử đại diện



tham gia các hội đồng xét và giải quyết các quyền lợi của đoàn viên, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Hướng dẫn, giúp đỡ người lao động giao kết hợp đồng lao động. Cùng với thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan, đơn vị cải thiện điều kiện làm việc, chăm lo đời sống của CNVCLĐ, tổ chức các hoạt động xã hội, từ thiện trong CNVCLĐ.

4. Tổ chức vận động CNVCLĐ trong cơ quan, đơn vị thi đua yêu nước, thực hiện nghĩa vụ của cán bộ, công chức, viên chức, lao động tham gia quản lý cơ quan, đơn vị, cải tiến lề lối làm việc và thủ tục hành chính nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác.

5. Phát triển đoàn viên, xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh.

**Điều 16.** Nhiệm vụ, quyền hạn của công đoàn cơ sở trong các doanh nghiệp Nhà nước:

1. Tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức công đoàn. Giáo dục nâng cao trình độ chính trị, văn hoá, pháp luật, khoa học kỹ thuật, nghề nghiệp.

2. Phối hợp với giám đốc tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ ở doanh nghiệp, tổ chức Đại hội công nhân viên chức, đại diện cho tập thể lao động ký kết thoả ước lao động tập thể và hướng dẫn người lao động giao kết hợp đồng lao động; cử đại diện tham gia các hội đồng xét và giải quyết các quyền lợi của đoàn viên và CNVCLĐ. Tham gia với giám đốc giải quyết việc làm, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập, đời sống và phúc lợi của CNVCLĐ, tổ chức các hoạt động xã hội, từ thiện trong CNVCLĐ.

3. Kiểm tra, giám sát việc thi hành các chế độ chính sách, pháp luật. Đấu tranh ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực, tham nhũng, các tệ nạn xã hội. Phát hiện và tham gia giải quyết các tranh chấp lao động và thực hiện các quyền của công đoàn cơ sở theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức vận động đoàn viên và CNVCLĐ trong doanh nghiệp thi đua yêu nước, tham gia quản lý doanh nghiệp, phát huy sáng kiến nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

5. Phát triển đoàn viên, xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh.

**Điều 17.** Nhiệm vụ, quyền hạn của công đoàn cơ sở trong các hợp tác xã sản xuất, dịch vụ công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp...

1. Tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, Chính sách, Pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn. Tổ chức phổ biến và hướng dẫn thực

hiện pháp luật, tham gia xây dựng các nội quy, quy chế quản lý hợp tác xã; giám sát thực hiện chính sách đối với đoàn viên, xã viên và người lao động. Đấu tranh ngăn chặn các tệ nạn xã hội.

2. Phối hợp với Ban quản trị tổ chức các phong trào thi đua yêu nước, tổ chức Đại hội xã viên, đảm bảo việc làm, cải thiện điều kiện lao động; nâng cao trình độ nghề nghiệp cho đoàn viên, xã viên, người lao động, hướng dẫn người lao động (không phải xã viên) giao kết hợp đồng lao động.

3. Phối hợp với Ban quản trị chăm lo đời sống cho đoàn viên, xã viên, người lao động, tổ chức các hoạt động xã hội, thăm hỏi, giúp đỡ đoàn viên khi gặp khó khăn; tổ chức nghỉ ngơi, thăm quan, du lịch cho đoàn viên, xã viên, người lao động.

4. Phát triển đoàn viên, xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh.

**Điều 18.** Nhiệm vụ, quyền hạn của công đoàn cơ sở trong các doanh nghiệp tư nhân; công ty trách nhiệm hữu hạn; công ty cổ phần; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; và các doanh nghiệp, đơn vị cơ sở kinh doanh, dịch vụ khác.

1. Tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, Chính sách, Pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn. Tuyên truyền phổ biến các chế độ, chính sách, giáo dục ý thức chấp hành Pháp luật của Nhà nước trong đoàn viên và người lao động, thực hiện các quyền của Công đoàn cơ sở theo quy định của pháp luật.

2. Hướng dẫn giúp đỡ người lao động giao kết hợp đồng lao động với người sử dụng lao động.

3. Đại diện cho tập thể lao động xây dựng và ký thoả ước lao động tập thể với người sử dụng lao động, giám sát việc thi hành các chế độ chính sách, pháp luật, việc thực hiện các điều khoản đã được ký kết trong thoả ước.

4. Đại diện cho tập thể lao động tham gia Hội đồng hoà giải lao động cơ sở và tham gia giải quyết các tranh chấp lao động theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức động viên đoàn viên và lao động thi đua yêu nước để hoàn thành nhiệm vụ, tham gia các hoạt động xã hội; giúp đỡ nhau trong nghề nghiệp và cuộc sống; phối hợp với người sử dụng lao động chăm lo cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động. Đấu tranh ngăn chặn các tệ nạn xã hội.

6. Tuyên truyền phát triển đoàn viên, xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh.

**Điều 19.** Quyền hạn, nhiệm vụ, của nghiệp đoàn:

1. Tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, Chính sách, Pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ của tổ chức công đoàn. Giáo dục nâng cao trình độ chính trị,

văn hoá. Phổ biến, hướng dẫn việc thi hành các chế độ, chính sách, pháp luật có liên quan đến đời sống và điều kiện hành nghề của người lao động.

2. Đại diện cho đoàn viên nghiệp đoàn quan hệ với chính quyền địa phương và cơ quan chức năng chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên .

3. Đoàn kết tương trợ, giúp đỡ nhau trong nghề nghiệp và đời sống. Đấu tranh ngăn chặn các tệ nạn xã hội.

4. Phát triển đoàn viên, xây dựng nghiệp đoàn vững mạnh.

**Điều 20.** Công đoàn cơ sở thực hiện phân cấp về nhiệm vụ, quyền hạn cho công đoàn cơ sở thành viên (nếu có); công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn qui định nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể cho công đoàn bộ phận, nghiệp đoàn bộ phận, tổ công đoàn, tổ nghiệp đoàn theo hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

#### *Chương IV*

### **TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CÔNG ĐOÀN CẤP TRÊN CƠ SỞ**

**Điều 21.** Công đoàn ngành địa phương.

1. Công đoàn ngành địa phương là công đoàn cấp trên cơ sở tập hợp CNVCLĐ cùng ngành, nghề thuộc các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh, thành phố

2. Công đoàn ngành địa phương do Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố quyết định thành lập (hoặc giải thể) sau khi thống nhất với Công đoàn ngành Trung ương.

3. Công đoàn ngành địa phương chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố và sự chỉ đạo về ngành nghề của Công đoàn ngành Trung ương để chỉ đạo các công đoàn cơ sở trên địa bàn.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Công đoàn ngành địa phương:

a) Tổ chức triển khai các chủ trương công tác của Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, của Công đoàn ngành Trung ương và Nghị quyết Đại hội Công đoàn cấp mình.

b) Tham gia với cơ quan quản lý cùng cấp về phát triển kinh tế - xã hội của ngành ở địa phương, các vấn đề có liên quan đến trách nhiệm và lợi ích ngành, nghề, xây dựng đội ngũ công nhân, viên chức và lao động trong ngành.

c) Hướng dẫn, thông tin về pháp luật và các chế độ, chính sách, khoa học - kỹ thuật ngành, nghề, chỉ đạo công đoàn cấp dưới thực hiện các chế độ, chính sách lao động

ngành, nghề. Tổ chức các phong trào thi đua yêu nước, tuyên truyền, giáo dục đường lối, chủ trương của Đảng, Chính sách, Pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của Công đoàn và truyền thống, nghĩa vụ, quyền lợi của CNVCLĐ trong ngành.

d) Phối hợp với Liên đoàn Lao động huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các chế độ, chính sách ngành, nghề, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của CNVCLĐ trong ngành.

đ) Phát triển đoàn viên và công đoàn cơ sở trong các thành phần kinh tế, thực hiện công tác tổ chức, cán bộ theo phân cấp của Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, xây dựng Công đoàn cơ sở, Nghiệp đoàn vững mạnh.

**Điều 22.** Liên đoàn Lao động huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là LĐLĐ huyện).

1. Liên đoàn Lao động huyện là Công đoàn cấp trên cơ sở, tập hợp CNVCLĐ trên địa bàn huyện.

2. Liên đoàn Lao động huyện do Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố quyết định thành lập (hoặc giải thể) và chỉ đạo trực tiếp.

3. Liên đoàn Lao động huyện quyết định thành lập, giải thể và chỉ đạo trực tiếp Công đoàn cấp trên cơ sở là Công đoàn Giáo dục huyện và công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn đóng trên địa bàn (trừ những cơ sở đã trực thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành địa phương và công đoàn Tổng Công ty).

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Liên đoàn Lao động huyện:

a) Tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, Chính sách, Pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn.

b) Triển khai thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết và chủ trương công tác của Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố; Chỉ thị, Nghị quyết của cấp uỷ Đảng và Nghị quyết Đại hội Công đoàn cấp mình. Tham gia với cấp uỷ Đảng, cơ quan Nhà nước về các chủ trương phát triển kinh tế - xã hội và các vấn đề có liên quan đến việc làm, đời sống của CNVCLĐ.

c) Tổ chức phong trào thi đua yêu nước, góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

d) Vận động đoàn viên, CNVCLĐ tham gia các hoạt động xã hội, hướng dẫn các hình thức, biện pháp chăm lo đời sống, cải thiện điều kiện làm việc, xoá đói giảm nghèo, xây dựng nếp sống văn hoá, đấu tranh ngăn chặn tiêu cực, tham nhũng và các tệ nạn xã hội.

đ) Phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước cấp huyện, Công đoàn

ngành địa phương, công đoàn Tổng Công ty để kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp lao động đối với các cơ sở đóng trên địa bàn.

e) Thực hiện công tác phát triển đoàn viên, thành lập Công đoàn cơ sở, Nghiệp đoàn, công tác tổ chức, cán bộ theo phân cấp của Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố; xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh.

**Điều 23.** Công đoàn các khu Công nghiệp, khu Chế xuất, khu Công nghệ cao (gọi chung là Công đoàn KCN).

1. Công đoàn KCN là công đoàn cấp trên cơ sở do Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố quyết định thành lập, giải thể và chỉ đạo trực tiếp.

2. Công đoàn KCN quyết định thành lập, giải thể và chỉ đạo các Công đoàn cơ sở thuộc các đơn vị do địa phương thành lập hoạt động trong các khu công nghiệp; chỉ đạo công đoàn cơ sở thuộc Công đoàn ngành Trung ương, Công đoàn Tổng Công ty của Trung ương hoạt động trong các khu Công nghiệp.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của công đoàn KCN:

a) Tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, Chính sách, Pháp luật của Nhà Nước và nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn; giáo dục nâng cao trình độ chính trị, văn hoá, pháp luật cho CNVCLĐ trong các khu công nghiệp. Tổ chức triển khai thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chỉ thị, nghị quyết và chủ trương công tác của công đoàn cấp trên, Nghị quyết Đại hội Công đoàn cấp mình.

b) Phối hợp với Ban quản lý các khu công nghiệp, cơ quan quản lý lao động địa phương kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách, pháp luật lao động, giải quyết tranh chấp lao động, đơn thư khiếu nại của CNVCLĐ trong các khu công nghiệp.

c) Hướng dẫn, chỉ đạo các công đoàn cơ sở: Xây dựng, thương lượng, ký thoả ước lao động tập thể, tham gia xây dựng nội quy lao động, thành lập Hội đồng hoà giải lao động cơ sở, giải quyết tranh chấp lao động; tổ chức các phong trào thi đua yêu nước, an toàn vệ sinh lao động, các hoạt động văn hoá, thể thao, phòng chống tệ nạn xã hội; phối hợp với người sử dụng lao động chăm lo đời sống CNVCLĐ.

d) Phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở, xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh; thực hiện công tác quản lý cán bộ công đoàn theo phân cấp của Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố.

đ) Hướng dẫn, chỉ đạo các Công đoàn cơ sở thuộc Công đoàn ngành Trung ương, công đoàn Tổng Công ty của Trung ương trong khu công nghiệp thực hiện các nội

dung theo quy định tại điểm f, khoản 3, Điều 28, Điều lệ này.

**Điều 24.** Công đoàn Tổng Công ty (CĐTCT).

1. Công đoàn Tổng Công ty là công đoàn cấp trên cơ sở tập hợp CNVCLĐ trong các cơ sở của Tổng Công ty.

2. Tổng Công ty do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập thì CĐTCT đó do Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố thành lập và chỉ đạo trực tiếp.

3. Tổng Công ty do Bộ quyết định thành lập thì CĐTCT đó do Công đoàn ngành Trung ương thành lập và chỉ đạo trực tiếp.

4. Tổng Công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập thì việc thành lập và chỉ đạo CĐTCT đó do Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quyết định.

5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Công đoàn Tổng Công ty:

a) Tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, Chính sách, Pháp luật của Nhà Nước và nhiệm vụ của tổ chức công đoàn. Triển khai thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết, Chủ trương công tác của Công đoàn cấp trên và Nghị quyết đại hội CĐTCT.

b) Tham gia với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng Công ty về quy hoạch, kế hoạch và mục tiêu phát triển kinh tế của Tổng Công ty, tham gia xây dựng và kiểm tra giám sát việc thực hiện nội quy, quy chế, chế độ tiền lương, tiền thưởng và các quy định có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của đoàn viên, CNVCLĐ trong Tổng Công ty.

c) Phối hợp với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức Đại hội công nhân, viên chức; đại diện cho đoàn viên, CNVCLĐ ký thỏa ước lao động tập thể với Tổng Giám đốc Tổng Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật, tham gia các Hội đồng của Tổng Công ty để giải quyết các vấn đề có liên quan đến CNVCLĐ.

d) Chỉ đạo các Công đoàn cơ sở thuộc CĐTCT thực hiện các hình thức tham gia quản lý, thực hiện pháp luật lao động và luật Công đoàn, tổ chức phong trào thi đua yêu nước; giáo dục theo đặc điểm ngành, nghề, hướng dẫn công tác bảo hộ lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ, chính sách ngành, nghề khác.

đ) Quyết định thành lập hoặc giải thể các Công đoàn cơ sở thuộc CĐTCT. Thực hiện công tác cán bộ theo sự phân cấp của công đoàn cấp trên, chỉ đạo xây dựng Công đoàn cơ sở vững mạnh.

e) Tiếp nhận ý kiến tham gia và chỉ đạo của các Liên đoàn Lao động địa phương,

công đoàn KCN đối với các công đoàn cơ sở, công đoàn cơ sở thành viên của Tổng Công ty đóng trên địa phương, thực hiện các nội dung nhiệm vụ quy định tại điểm f, khoản 3, Điều 28, Điều lệ này.

**Điều 25.** Việc thành lập các Công đoàn cấp trên cơ sở như: Công đoàn cơ quan một số Bộ, Ban của Đảng, Đoàn thể Trung ương và cấp tương đương do Công đoàn ngành Trung ương xem xét quyết định và hướng dẫn hoạt động theo đúng nguyên tắc của Điều lệ Công đoàn Việt Nam và hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

**Điều 26.** Công đoàn ngành Trung ương.

1. Công đoàn ngành Trung ương tổ chức theo đặc điểm ngành, do Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn quyết định thành lập (hoặc giải thể) phù hợp với các quy định của Luật Công đoàn.

Trường hợp trong một bộ có Công đoàn ngành Trung ương, công đoàn Tổng Công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn, sẽ do Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quy định.

2. Đối tượng tập hợp của Công đoàn ngành Trung ương là đoàn viên, CNVCLĐ cùng ngành, thuộc các thành phần kinh tế.

Công đoàn ngành Trung ương trực tiếp chỉ đạo các Công đoàn cơ quan Bộ, Công đoàn các Ban của Đảng, Đoàn thể Trung ương, công đoàn Tổng Công ty và cấp tương đương thuộc Bộ, Ngành.

Đối tượng tập hợp, chỉ đạo của Công đoàn Viên chức Việt Nam do Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quy định.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Công đoàn ngành Trung ương:

a) Tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, Chính sách, Pháp luật của Nhà Nước và nhiệm vụ của tổ chức công đoàn.

b) Đại diện, bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, CNVCLĐ thuộc ngành.

c) Nghiên cứu tham gia quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội của ngành và tham gia xây dựng các chế độ, chính sách ngành:

- Nghiên cứu tham gia với Bộ, ngành, các Ban của Đảng, đoàn thể Trung ương và đề xuất với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của ngành, gắn với việc xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CNVCLĐ trong ngành.

- Nghiên cứu tham gia xây dựng pháp luật, các chế độ, chính sách lao động, tiền lương, bảo hộ lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ, chính sách khác cho người lao động cùng ngành, nghề thuộc các thành phần kinh tế.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách thuộc ngành, nghề; tham gia các Hội đồng của ngành để giải quyết các vấn đề có liên quan đến CNVCLĐ. kiến nghị với cơ quan Nhà nước bổ sung, sửa đổi và giải quyết những chế độ, chính sách ngành, nghề đáp ứng yêu cầu phát triển ngành, nghề và lợi ích người lao động.

- Phối hợp với các cơ quan quản lý hướng dẫn, tổ chức các hình thức thi đua yêu nước theo đặc điểm ngành; tổ chức các hoạt động xã hội.

d) Nghiên cứu đề xuất với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về hệ thống tổ chức, mô hình tổ chức, cụ thể hoá chức năng, nhiệm vụ của mỗi cấp trong hệ thống công đoàn ngành. Hướng dẫn chỉ đạo Đại hội các công đoàn cấp dưới. Thực hiện quy hoạch, quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và thực hiện chính sách cán bộ theo phân cấp của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

đ) Hướng dẫn chỉ đạo Công đoàn Tổng Công ty, Công đoàn cơ quan Bộ, Công đoàn các Ban của Đảng, đoàn thể Trung ương, Công đoàn cơ sở trực thuộc và cấp tương đương ( trực thuộc Công đoàn ngành):

- Nghiên cứu, cụ thể hoá triển khai các Chỉ thị, Nghị quyết của Ban Chấp hành, Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Nghị quyết Đại hội Công đoàn ngành Trung ương.

- Tổ chức các hình thức tham gia quản lý và bảo vệ lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật; tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức cơ quan, Đại hội công nhân, viên chức, xây dựng và ký thoả ước lao động tập thể, giao kết hợp đồng lao động.

- Tuyên truyền, giáo dục trong CNVCLĐ nâng cao trình độ nghề nghiệp, thông tin về pháp luật, chính sách, nghĩa vụ, quyền lợi của đoàn viên, CNVCLĐ trong ngành. Tổ chức phong trào thi đua yêu nước theo đặc điểm ngành, nghề.

e) Chủ động phối hợp với Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố chỉ đạo hướng dẫn các công đoàn ngành địa phương thực hiện các nội dung: Chế độ, chính sách lao động ngành; tuyên truyền, giáo dục truyền thống ngành; phương hướng nhiệm vụ phát triển ngành; thành lập công đoàn trong các đơn vị kinh tế ngoài quốc doanh cùng ngành; tham gia thành lập hoặc giải thể công đoàn ngành địa phương (nếu có).

f) Chủ động phối hợp với Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố xây dựng quy chế phối hợp chỉ đạo để hướng dẫn các công đoàn cơ sở của ngành đóng trên địa bàn



tỉnh, thành phố.

g) Thực hiện quan hệ đối ngoại theo quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

**Điều 27.** Công đoàn trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân là những tổ chức Công đoàn ngành nằm trong hệ thống Công đoàn Việt Nam, tập hợp những công nhân, viên chức, lao động làm việc hưởng lương trong các đơn vị sản xuất, khoa học, kỹ thuật, hành chính sự nghiệp, dịch vụ trong lực lượng quốc phòng và an ninh.

Tổ chức và hoạt động của Công đoàn trong Quân đội nhân dân Việt Nam và công đoàn trong Công an nhân dân do Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quy định sau khi thảo luận thống nhất với lãnh đạo Bộ Quốc phòng và Bộ Công an trên nguyên tắc bảo đảm đúng các quy định của Luật Công đoàn và Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

**Điều 28.** Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố.

1. Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố được tổ chức theo địa giới hành chính tỉnh, thành phố, do Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn quyết định thành lập (hoặc giải thể) phù hợp với các quy định của Luật Công đoàn.

2. Đối tượng tập hợp của Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố gồm đoàn viên, CNVCLĐ trên địa bàn.

Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố chỉ đạo trực tiếp các Liên đoàn Lao động huyện, công đoàn ngành địa phương, Công đoàn Tổng Công ty (thuộc tỉnh, thành phố), công đoàn các khu công nghiệp và các Công đoàn cơ sở, Nghiệp đoàn trực thuộc (kể cả Công đoàn cơ sở các đơn vị của Trung ương không có Công đoàn ngành Trung ương hoặc công đoàn Tổng Công ty).

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố.

a) Tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, Chính sách, Pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn.

b) Đại diện, bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, CNVCLĐ trên địa bàn

c) Triển khai thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Ban Chấp hành, Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Nghị quyết Đại hội Công đoàn tỉnh, thành phố; các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, Chính sách, Pháp luật của Nhà nước. Tham gia với cấp ủy Đảng, cơ quan Nhà nước tỉnh, thành phố về các chủ trương, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các vấn đề có liên quan đến

đời sống, việc làm và điều kiện làm việc của CNVCLĐ trên địa bàn. Tổ chức phong trào thi đua yêu nước, các hoạt động xã hội của CNVCLĐ trên địa bàn.

d) Phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước, Công đoàn ngành Trung ương tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật và các chính sách có liên quan trực tiếp đến CNVCLĐ trong các cơ quan, doanh nghiệp. Tham gia hội đồng trọng tài lao động ở địa phương, hướng dẫn và chỉ đạo việc giải quyết tranh chấp lao động, tham gia điều tra tai nạn lao động, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng người lao động trong các doanh nghiệp đóng trên địa bàn.

e) Chỉ đạo các công đoàn ngành địa phương, công đoàn Tổng Công ty (thuộc tỉnh, thành phố), Liên đoàn Lao động huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, công đoàn các khu công nghiệp và cấp tương đương thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 21, 22, 23 và 24, Điều lệ này.

f) Hướng dẫn, chỉ đạo các Công đoàn cơ sở của Công đoàn Tổng Công ty thuộc Trung ương và các Công đoàn cơ sở trực thuộc Công đoàn ngành Trung ương, đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố những nội dung sau đây:

- Triển khai thực hiện Nghị quyết của Đảng, các chủ trương, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước ở địa phương; kiểm tra, thanh tra lao động; điều tra các vụ tai nạn lao động; giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp lao động; đại diện bảo vệ người lao động trước người sử dụng lao động, cơ quan Nhà nước và trong quá trình tham gia tố tụng; kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động.

g) Tổ chức giáo dục nâng cao trình độ văn hoá và nghề nghiệp cho CNVCLĐ, tổ chức các hoạt động văn hoá, thể dục thể thao, quản lý nhà văn hoá công nhân, công đoàn; tổ chức các trung tâm giới thiệu việc làm, văn phòng tư vấn pháp luật theo quy định của Nhà nước và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

h) Thực hiện quy hoạch, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và thực hiện chính sách cán bộ theo phân cấp của Tỉnh uỷ, Thành uỷ và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

i) Hướng dẫn, chỉ đạo đại hội các công đoàn cấp dưới; xây dựng Công đoàn cơ sở và nghiệp đoàn vững mạnh.

k) Thực hiện quan hệ đối ngoại theo quy định của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

**Điều 29.** Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam có nhiệm vụ, quyền hạn:

1. Quyết định chương trình, nội dung hoạt động của Công đoàn nhằm thực

hiện Nghị quyết Đại hội Công đoàn toàn quốc và các Nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt nam; chỉ đạo và hướng dẫn hoạt động của các cấp công đoàn. Tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn. Chỉ đạo công tác nghiên cứu lý luận công đoàn, tổng kết thực tiễn về giai cấp công nhân và hoạt động công đoàn.

2. Tham gia quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội; tham gia xây dựng và kiểm tra giám sát việc thực hiện chế độ, chính sách, pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ, quyền lợi của công nhân, viên chức và lao động; tổ chức, quản lý công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật bảo hộ lao động. Cử đại diện tham gia các Ủy ban, Hội đồng quốc gia về các vấn đề có liên quan đến người lao động.

3. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện các chương trình, biện pháp phối hợp với Nhà nước để bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hoá, chính trị, chuyên môn, nghề nghiệp cho CNVCLĐ đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Phối hợp với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể ở Trung ương tổ chức các phong trào thi đua yêu và các hoạt động xã hội trong CNVCLĐ.

4. Quyết định phương hướng, biện pháp đổi mới tổ chức, cán bộ. Thực hiện quy hoạch, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng và các chính sách đối với cán bộ công đoàn.

5. Tổ chức quản lý các hoạt động kinh tế, tài chính, tài sản công đoàn theo quy định của pháp luật và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; chỉ đạo các hoạt động văn hoá, thể thao, du lịch, nghỉ ngơi của Công đoàn các cấp.

6. Mở rộng quan hệ đối ngoại với các tổ chức Công đoàn các nước, các tổ chức quốc tế theo đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

7. Thông qua quyết toán, dự toán ngân sách hàng năm, quyết định các chủ trương, biện pháp quản lý tài chính, tài sản Công đoàn.

**Điều 30.** Công tác vận động nữ CNVCLĐ được quán triệt trong mọi hoạt động của các cấp Công đoàn, nhằm phát huy những vấn đề về giới và đảm bảo nghĩa vụ, quyền lợi hợp pháp, chính đáng của nữ CNVCLĐ theo quy định của Pháp luật. Ban Nữ công của các cấp Công đoàn được đại diện cho nữ CNVCLĐ bàn bạc, giải quyết các vấn đề có liên quan trực tiếp đến lao động nữ và trẻ em.

### *Chương V*

## **CÔNG TÁC KIỂM TRA CỦA CÔNG ĐOÀN VÀ ỦY BAN KIỂM TRA CÔNG ĐOÀN CÁC CẤP**

**Điều 31.** Công tác kiểm tra của Công đoàn là nhiệm vụ của Ban Chấp hành Công đoàn mỗi cấp nhằm lãnh đạo việc thực hiện Điều lệ Công đoàn, Nghị quyết, Chi

thị và các quy định của tổ chức Công đoàn. Mỗi cấp công đoàn phải tổ chức, tiến hành công tác kiểm tra ở cấp đó và chịu sự kiểm tra của Công đoàn cấp trên.

**Điều 32.** Ủy ban Kiểm tra là cơ quan kiểm tra của Công đoàn được thành lập ở các cấp công đoàn, do Ban Chấp hành Công đoàn cấp đó bầu ra và phải được công đoàn cấp trên trực tiếp công nhận.

1. Ủy ban Kiểm tra công đoàn mỗi cấp chịu sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Công đoàn cấp đó và sự chỉ đạo của Ủy ban Kiểm tra Công đoàn cấp trên.

2. Số lượng ủy viên Ủy ban Kiểm tra, do Ban Chấp hành Công đoàn cùng cấp quyết định, gồm một số ủy viên trong Ban Chấp hành và một số ủy viên ngoài Ban Chấp hành; số ủy viên Ban Chấp hành không được vượt quá một phần ba (1/3) tổng số ủy viên Ủy ban Kiểm tra.

3. Việc bầu Ủy ban Kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra thực hiện theo nguyên tắc bỏ phiếu kín, người trúng cử phải được quá một phần hai (1/2) số phiếu bầu.

Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra công đoàn mỗi cấp, do Ban Chấp hành Công đoàn cấp đó bầu, phó chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra do Ủy ban Kiểm tra bầu.

Tổ chức cơ sở của công đoàn có dưới 30 đoàn viên thì cử 1 Ủy viên Ban Chấp hành Công đoàn làm nhiệm vụ kiểm tra; dưới 10 đoàn viên thì cử 1 đoàn viên làm nhiệm vụ kiểm tra.

4. Khi mới thành lập hoặc tách nhập tổ chức Công đoàn, Công đoàn cấp trên trực tiếp chỉ định Ủy ban Kiểm tra, Chủ nhiệm, Phó chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra lâm thời.

5. Nhiệm kỳ của Ủy ban Kiểm tra theo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Công đoàn cùng cấp.

6. Ủy viên Ủy ban Kiểm tra các cấp là cán bộ chuyên trách Công đoàn khi chuyển công tác không là cán bộ chuyên trách công đoàn thì thôi tham gia Ủy ban Kiểm tra. Ủy viên Ủy ban Kiểm tra các cấp khi nghỉ hưu, thôi việc thì thôi tham gia Ủy ban Kiểm tra.

**Điều 33.** Ủy ban Kiểm tra Công đoàn có nhiệm vụ:

1. Giúp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ thực hiện kiểm tra việc chấp hành Điều lệ Công đoàn.

2. Kiểm tra Công đoàn cùng cấp và cấp dưới khi tổ chức hoặc đoàn viên có dấu hiệu vi phạm Điều lệ, Nghị quyết, Chỉ thị và các quy định của Công đoàn.

3. Kiểm tra việc quản lý, sử dụng, tài chính, tài sản và hoạt động kinh tế của Công đoàn cấp mình và cấp dưới.

4. Giúp Ban Chấp hành, Ban thường vụ: Giải quyết các khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Công đoàn; tham gia với các cơ quan chức năng nhà nước giải quyết khiếu nại, tố cáo của CNVCLĐ.

5- Tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ Công đoàn làm công tác kiểm tra.

**Điều 34.** Ủy ban Kiểm tra Công đoàn có quyền:

1. Ủy viên Ủy ban Kiểm tra được tham dự các hội nghị của Ban Chấp hành và được mời dự Đại hội hoặc Hội nghị đại biểu Công đoàn cùng cấp.

2. Báo cáo với Ban Chấp hành Công đoàn cùng cấp về hoạt động kiểm tra Công đoàn và đề xuất các nội dung, chương trình công tác của Ủy ban Kiểm tra trong các kỳ họp thường kỳ của Ban Chấp hành.

3. Yêu cầu đơn vị và người chịu trách nhiệm của đơn vị được kiểm tra báo cáo, cung cấp các tài liệu cho công tác kiểm tra và trả lời những vấn đề do Ủy ban Kiểm tra nêu ra.

4. Báo cáo kết luận kiểm tra và đề xuất các hình thức xử lý với cơ quan thường trực của Ban Chấp hành Công đoàn cùng cấp. Những kiến nghị của Ủy ban Kiểm tra không được Ban Thường vụ giải quyết thì Ủy ban Kiểm tra có quyền báo cáo với Ban Chấp hành Công đoàn cấp mình và báo cáo lên Ủy ban Kiểm tra công đoàn cấp trên.

## ***Chương VI***

### **TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN CÔNG ĐOÀN**

**Điều 35.** Công đoàn thực hiện quyền tự chủ và tự quản về tài chính theo quy định của pháp luật và của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

1. Tài chính của Công đoàn gồm các nguồn thu sau đây:

a) Đoàn phí Công đoàn do đoàn viên đóng hàng tháng bằng một phần trăm (1%) tiền lương hoặc tiền công.

b) Kinh phí công đoàn trích nộp theo tỷ lệ phần trăm (%) quỹ tiền lương, tiền công, phụ cấp phải trả cho CNVCLĐ của các doanh nghiệp và cơ quan, đơn vị. Tỷ lệ trích do Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam thống nhất quy định.

c) Các khoản thu khác: Thu từ các hoạt động văn hoá, thể thao, hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ do công đoàn tổ chức, các khoản tài trợ của các tổ chức trong

nước và nước ngoài.

2. Tài chính Công đoàn dùng để chi các khoản sau đây:

- a) Chi trả lương cán bộ chuyên trách, phụ cấp trách nhiệm cán bộ công đoàn
- b) Chi cho các hoạt động của công đoàn.
- c) Chi thăm hỏi, giúp đỡ đoàn viên và làm công tác xã hội do công đoàn tổ chức.
- d) Chi khen thưởng cho các tập thể, cán bộ, đoàn viên và những người có công xây dựng tổ chức Công đoàn.

**Điều 36.** Quản lý tài chính Công đoàn thực hiện theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, công khai. Các cấp Công đoàn có nhiệm vụ quản lý tài chính theo quy định của pháp luật và của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Hàng năm Ban Chấp hành Công đoàn thông qua dự toán và quyết toán ngân sách của cấp mình.

**Điều 37.** Những tài sản do nguồn vốn của Công đoàn, tài sản do Nhà nước chuyển giao quyền sở hữu cho Công đoàn là tài sản thuộc sở hữu công đoàn. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam là chủ sở hữu mọi tài sản của tổ chức Công đoàn Việt Nam. Công đoàn các cấp được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam giao nhiệm vụ quản lý, sử dụng các tài sản và chịu trách nhiệm trước Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và trước pháp luật về việc sử dụng và quản lý các tài sản đó.

## *Chương VII*

### **KHEN THƯỞNG - KỶ LUẬT**

**Điều 38.** Cán bộ, đoàn viên công đoàn, những người có công xây dựng tổ chức Công đoàn, các cấp Công đoàn và Nghiệp đoàn có thành tích hoạt động xuất sắc được đề nghị công đoàn xét khen thưởng.

**Điều 39.** Những cán bộ, đoàn viên công đoàn vi phạm Điều lệ Công đoàn Việt Nam, không thực hiện nhiệm vụ đoàn viên, gây mất đoàn kết, có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến tổ chức công đoàn, vi phạm pháp luật, không đóng đoàn phí hoặc bỏ sinh hoạt nhiều kỳ, không có lý do chính đáng thì tùy theo mức độ khuyết điểm, sai lầm bị xử lý kỷ luật: Khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ và thu hồi thẻ đoàn viên. Đối với tổ chức nếu có sai phạm thì tùy theo mức độ sẽ bị xử lý kỷ luật: khiển trách, cảnh cáo, giải tán.

1. Việc khai trừ 1 đoàn viên do tổ Công đoàn đề nghị Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở xem xét quyết định. Trường hợp đặc biệt do công đoàn cấp trên quyết định. Đoàn viên bị kỷ luật khai trừ, sau khi đã sửa chữa khuyết điểm nếu có nguyện vọng thì được xét gia nhập lại công đoàn.

2. Việc thi hành kỷ luật 1 uỷ viên Ban Chấp hành Công đoàn cấp nào do Hội nghị Ban Chấp hành Công đoàn cấp đó xét và đề nghị Công đoàn cấp trên quyết định. Thi hành kỷ luật Uỷ viên Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn do Ban chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quyết định.

3. Việc thi hành kỷ luật Uỷ ban Kiểm tra hay các Uỷ viên Uỷ ban Kiểm tra áp dụng hình thức kỷ luật như đối với tổ chức và Uỷ viên Ban Chấp hành Công đoàn cùng cấp.

### ***Chương VIII***

#### **CHẤP HÀNH ĐIỀU LỆ CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM**

**Điều 40.** Tổ chức Công đoàn các cấp và cán bộ đoàn viên công đoàn phải chấp hành nghiêm chỉnh Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

Điều lệ Công đoàn Việt Nam do Đại hội Công đoàn toàn quốc thông qua. Chỉ Đại hội Công đoàn toàn quốc mới có quyền bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

*Hà Nội, ngày 13 tháng 10 năm 2003*

**Đại hội lần thứ IX**

**Công đoàn Việt Nam**